

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **123/2020/HSPT**

Ngày: 20/4/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lượng;

Các Thẩm phán: Ông Đinh Quang Nghĩa

Ông Trần Vĩnh Yên

- Thư ký Tòa án: Ông Trần Thế Mạnh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:

Bà Tống Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 38/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 01 năm 2020 đối với bị cáo Tạ Thị K; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

- Bị cáo có kháng cáo:

Tạ Thị K, sinh năm 1967; Tại Bình Định; Nơi đăng ký thường trú: Tổ X, khu phố Y, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hoá: 9/12; Con ông Tạ B (đã chết) và bà Nguyễn Thị D (Đã chết); Gia đình bị cáo có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Chung sống với ông Lê Quang Tr1, sinh năm 1956, hiện không rõ nơi cư trú, không đăng ký kết hôn; Có 04 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định số 1118/L-CSĐT-ĐTHH ngày 09/9/2019 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Cửu. Bị cáo tại ngoại.

- Bị hại: Bà Hoàng Thị T (P), sinh năm 1960. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ X2, khu phố Z, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Văn Ng, sinh năm 1978. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T1, xã C, huyện Tr, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Lê Thị Th, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ X1, khu phố Y, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Trần Thị H (Ph), sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ X3, khu phố Y1, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Lê Thị P1, sinh năm 1961. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Y, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà Phan Thị Th2, sinh năm 1957. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố Y, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

+ Ông Trần Văn P3, sinh năm 1958. (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ X2, khu phố Y1, thị trấn V, huyện V1, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Hoàng Thị T và Tạ Thị K là hai tiểu thương thuê mặt bằng cạnh nhau tại đường vào chợ V thuộc Khu phố Y, thị trấn V, huyện V1 để buôn bán. Ranh giới phân định mặt bằng là vạch sơn khoảng 50cm được kẻ vuông góc từ phần đất sạp hàng của K ra đường nhựa vào chợ. Ngày 16/7/2019, khách đến mua hàng của bà T để xe trước cửa hàng K, K yêu cầu người khách không được để xe trước cửa hàng của K. Sau đó giữa K và bà T xảy ra cãi vã, xúc phạm nhau dẫn đến xô xát. K lấy cây sắt dùng để treo hàng dài 177cm, cạnh vuông 02cm cầm hai tay đánh ngang theo hướng từ phải qua trái trúng đầu bà T. Bị K đánh, bà T bước ra mặt đường dùng tay đánh trả và túm tóc K ghì xuống đất. Hai người giằng co khoảng 05 phút thì một số người dân cùng bà Trần Thị H đến can ngăn không cho đánh nhau. Thấy đầu bà T bị chảy máu bà H hô lên, lúc này bà T thả tay nắm tóc K, rồi K cầm cây sắt đi vào trong ki ốt. Bà T được đưa đến Phòng khám của bác sỹ Ninh Quốc V tại Khu phố Y, thị trấn V, huyện V1 khâu vết thương trên đầu rồi được gia đình đưa đến Trung tâm y tế huyện V1 điều trị. Ngày 06/9/2019 bà Hoàng Thị T có đơn yêu cầu khởi tố xử lý đối với Tạ Thị K về hành vi cố ý gây thương tích.

Tại Bản kết luận định pháp y về thương tích số 0683/TgT/2019 ngày 23/8/2019 của Giám định viên Trung tâm pháp y Đồng Nai kết luận tỷ lệ thương tích của Hoàng Thị T: Sẹo vết thương vùng trán đỉnh phải kích thước 6,2 x 0,3 cm, tỷ lệ: 03%; tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 03% (Ba phần trăm). Vật gây thương tích: Vật tày.

Tang vật tạm giữ: 01 cây sắt dài 177 cm, cạnh vuông 02 cm.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra bà Hoàng Thị T yêu cầu bà Tạ Thị K bồi thường thiệt hại gồm: Chi phí điều trị, thuốc men (có chứng từ, hóa đơn) số tiền 1.408.000 đồng; chi phí thuê xe đi khám và điều trị bệnh số tiền 600.000 đồng; thu nhập thực tế bị mất cho người chăm sóc số tiền 8.000.000 đồng; tiền bồi thường sức khỏe, tiền công làm việc là 30.000.000 đồng; Tổng cộng là

40.008.000 đồng (Bốn mươi triệu không trăm lẻ tám ngàn đồng). Tạ Thị K chưa bồi thường. Tại Tòa bà T yêu cầu Tạ Thị K bồi thường các khoản sau: Chi phí thuê xe, tiền viện phí, thuốc điều trị cho cứu chữa số tiền 2.034.844 đồng (Có hóa đơn); tiền bồi dưỡng phục hồi sức khỏe số tiền 1.500.000 đồng; tiền thu nhập bị mất trong những ngày nằm viện điều trị từ ngày 16/7/2019 đến ngày 24/7/2019 là 8 ngày x 250.000 đồng = 2.000.000 đồng; Tiền bồi thường tổn thất tinh thần số tiền 8.000.000 đồng. Tổng là 13.534.844 đồng.

Bản cáo trạng số 85/CT-VKSVC ngày 12/11/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu truy tố bị cáo Tạ Thị K về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 82/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 36, Điều 47; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 136, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Các Điều 357, 468, 590 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên bố bị cáo Tạ Thị K phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Tạ Thị K 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và bản án. Giao bị cáo Tạ Thị K cho UBND thị trấn V, huyện V1 giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo K trong thời gian chấp hành hình phạt.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 11/12/2019, bị cáo Tạ Thị K có đơn kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ và lời khai bị cáo tại phiên tòa đã thừa nhận dùng cây sắt đánh vào người bà T nhưng không biết trúng vào đâu. Thương tích gây ra cho bà T là có thật. Ngay sau khi bị đánh bà T bị chảy máu đầu và được đưa đi cấp cứu, nhân chứng bà Trần Thị H (Ph) là người can ngăn và giật cây sắt trong tay bị cáo. Qua xác minh trước đó bà T hoàn toàn mạnh khỏe và không bị ai gây thương tích nên đủ căn cứ xác định thương tích trên là do bị cáo gây ra. Bị cáo kháng cáo kêu oan nhưng không có căn cứ chứng minh thương tích trên do người khác gây ra. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện Vĩnh Cửu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Hành vi của bị cáo Tạ Thị K đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2] Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Cấp sơ thẩm đã xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ như: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xử phạt bị cáo mức án 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ là thỏa đáng, đúng người, đúng tội và phù hợp.

Căn cứ theo Biên bản sự việc ngày 18/7/2019, ghi nhận bị cáo K khai: “...*bị chửi nên bà K lấy cây sắt định đánh vào miệng của bà T (P) nhưng cây sắt bà K khua trúng vào vị trí nào trên đầu bà T (P) thì bà K không biết, bà K đánh trúng bà T (P) một cái thì bà P lao lại chỗ bà K nắm tóc đánh bà K...hai bên giằng co nhau thì được can ngăn...*” (Biên bản có chữ ký xác nhận của bị cáo). Biên bản giao nhận tài liệu, đồ vật, dữ liệu điện tử ngày 19/7/2019 cũng thể hiện bị cáo thừa nhận có đánh trúng vào đầu của bà P 01 cái (Có chữ ký xác nhận của bị cáo). Đồng thời, tại các biên bản hỏi cung bị can, biên bản ghi lời khai trong quá trình điều tra, bị cáo đều thừa nhận đã có hành vi dùng cây sắt đánh trúng vào người bà Hoàng Thị T (Các bút lục từ số 42 đến số 58). Như vậy, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Bên cạnh đó, trong quá trình điều tra, các nhân chứng đều khai tại thời điểm xảy ra sự việc có xảy ra việc xô xát giữa bị cáo và bà Hoàng Thị T, chứng kiến việc đầu bà T bị chảy máu, xác nhận tại hiện trường vụ án lúc đó, ngoài bà T và bị cáo, không còn ai khác tham gia việc đánh nhau, hoặc xảy ra sự việc có mâu thuẫn, xô xát với bà T (Các biên bản lời khai của những người làm chứng từ bút lục số 82 đến số 89, 96 - 97). Bị cáo kháng cáo kêu oan, nhưng không cung cấp được tình tiết đặc biệt nào mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm cả về hình phạt và bồi thường dân sự là phù hợp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo

phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tạ Thị K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; Điều 36, Điều 47; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các Điều 106, 136, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Các Điều 357, 468, 590 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử phạt bị cáo Tạ Thị K 08 (Tám) tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày cơ quan tổ chức được giao giám sát, giáo dục nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ và bản án. Giao bị cáo Tạ Thị K cho UBND thị trấn V, huyện V1 giám sát giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo K trong thời gian chấp hành hình phạt.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Buộc bị cáo K phải bồi thường cho bị hại Hoàng Thị T số tiền 13.534.844 đồng (Mười ba triệu, năm trăm ba mươi bốn nghìn, tám trăm bốn mươi bốn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 cây sắt dài 177cm, cạnh vuông 2cm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 13/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Tạ Thị K phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, 676.742 đồng (Sáu trăm bảy mươi sáu nghìn bảy trăm bốn mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND huyện Vĩnh Cửu (2);
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Công an huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Phòng PV27 - CA tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo – Trại tạm giam (2);
- Lưu HS (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thành Lượng